

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2018

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Xuân Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Đức Danh

2. Bà Dương Thị Hằng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:* Không

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tỉnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017 và bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D kết hôn ngày 19/7/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh D uống rượu và đánh đập chị H. Chị H đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng được UBND xã hòa giải nên quay về đoàn tụ, nhưng anh D vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình hòa giải

nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 9/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn.

- Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 09/01/2012, chị H có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/02/2018 và biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/7/2010 tại UBND xã L, huyện G. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra va chạm. Năm 2013 chị H có làm đơn xin ly hôn nhưng được hòa giải về chung sống với nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nếu chị H xin ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh D trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 09/01/2012, anh D có nguyện vọng xin được nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Chị Lê Thị H có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 19/7/2010 được UBND xã L, huyện G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến

vợ chồng thường xuyên va chạm. Khi mâu thuẫn lên đỉnh điểm thì chị H và anh D sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn giữa anh D và chị H đã được hai bên gia đình và các đoàn thể hoà giải khuyên bảo nhưng không có kết quả. Xây dựng gia đình hạnh phúc phải dựa trên tình cảm yêu thương nhau nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể có hạnh phúc được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh D cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với điều 55 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh D có 01 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 09/01/2012. Anh D và chị H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. HĐXX thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh D, chị H đều chính đáng. Tuy nhiên cháu T đang còn nhỏ, hơn nữa cháu là con gái rất cần sự hiểu biết về tâm sinh lý và sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo cho cháu T được nuôi dưỡng tốt, để cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản*: Việc chị Lê Thị H rút yêu cầu về chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 244 bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí toà án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Thị T, sinh ngày 09/01/2012. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin chia tài sản chung của chị Lê Thị H. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.145.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002439 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Trả lại cho chị H 11.845.000 (mười một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- TAND Tĩnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- UBND xã L;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Xuân Dũng